

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45 /2017/DS-ST

Ngày 15-9-2017.

V/v tranh chấp hợp đồng góp hội.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Đình Nhung;

Ông Nguyễn Tấn Minh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 387/2016/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2016 về “Tranh chấp hợp đồng góp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2017/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2017; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Ấp BN, xã ĐT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Bị đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Ấp BN, xã ĐT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07-12-2016 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị T có tham gia góp hội do chị làm chủ hội, các dây hội cụ thể như sau:

- Dây hội thứ nhất: Hội 3.000.000 đồng/tháng, khai ngày 25/4/2014 (âm lịch), gồm 42 hội viên, chị T tham gia 01 phần, trong danh sách hội viên ghi tên T. Chị T đóng hội sống được 11 lần, số tiền 18.135.000 đồng;

- Dây hội thứ hai: Hội 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/7/2014 (âm lịch), gồm 37 hội viên, chị T tham gia 01 phần, trong danh sách hội viên ghi tên T. Chị T đóng hội sống được 01 lần thì hết hội được số tiền 47.200.000 đồng (trúng hội số tiền 680.000 đồng); sau đó chị T đóng tiếp 05 lần hội chết được số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 20/02/2015 (âm lịch) chị tuyên bố bế hội do có những hội viên hết hội nhưng không đóng lại hội chết cho chị.

Sau khi tuyên bố bế hội, chị và chị T có thỏa thuận hội theo giá hội chết. Cụ thể:

- Dây hội 3.000.000 đồng/tháng, chị T đóng được 11 lần, số tiền 33.000.000 đồng; khấu trừ tiền còn 1.000.000 đồng; chị còn nợ lại chị T số tiền 32.000.000 đồng.

- Dây hội 2.000.000 đồng/tháng, chị T đóng được 07 lần; chị T còn nợ lại chị 30 lần, số tiền 60.000.000 đồng.

Khi vỡ hội, hai bên thỏa thuận khấu trừ dây hội khai ngày 20/7/2014 (âm lịch) và dây hội khai ngày 25/4/2014 (âm lịch), chị T còn nợ lại chị số tiền 28.000.000 đồng. Chị T thỏa thuận trả cho chị 2.000.000 đồng/tháng, kể từ 20/6/2016. Hai bên có làm giấy tay thỏa thuận và chị T có ký tên vào. Chị T đóng hội đến 20/9/2016, được 04 tháng, số tiền 8.000.000 đồng thì ngưng không đóng cho chị nữa.

Nay chị khởi kiện yêu cầu chị T trả cho chị số tiền 20.000.000 đồng. Ngoài ra, chị không còn yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành xác minh tại Công an xã Đôn Thuận cho biết chị T hiện đang sinh sống tại địa phương. Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị T theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị T không đến Tòa án để tham gia tố tụng và cũng không cung cấp lời khai nên không thể hiện nguyện vọng của chị T.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Chị H thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa. Riêng chị T chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 479 của Bộ luật Dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H; buộc chị T có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền 20.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Bị đơn chị Đặng Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ các biên bản xác minh những hội viên trong các dây hội trên đều thừa nhận việc chị Đặng Thị T có tham gia góp hội do chị Nguyễn Thị Thu H làm chủ hội. Bên cạnh đó, có việc thỏa thuận giữa chị H đối với các hội viên khác về việc khấu trừ tiền hội theo giá hội chết.

[3] Xét giấy thỏa thuận tiền hội do chị H cung cấp có nội dung: “Hội T. Hội 3 triệu ngày 25/4 = 1 dây 32.000.000 trừ hội 2 triệu chết 20/7 = 1 dây – 16 lần hội chết T bắc đầu đóng tiếp vào 20/6/2016 âm lịch đóng 14 lần nữa là đủ: tổng tiền (28.000.000đ) hai mươi tám triệu. Đồng ý và ký tên”, có chữ ký và ghi họ tên Đặng Thị T. Tại kết luận giám định số 1319/C54B ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Phân Viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Chữ ký, chữ viết Đặng Thị T trên giấy thỏa thuận so với chữ ký, chữ viết Đặng Thị T trên các mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

[4] Sau khi thỏa thuận, chị T đã góp hội cho chị H được 04 lần được số tiền 8.000.000 đồng. Do đó, chị H khởi kiện yêu cầu chị T trả số tiền nợ hội là 20.000.000 đồng là có căn cứ xem xét.

[5] Từ phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của chị H là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 479 của Bộ luật Dân sự, Nghị định số 144/2006/NĐ/CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về Hộ, hội, biểu, phường; nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Buộc chị T có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền 20.000.000 đồng.

Do đó, xét đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 20.000.000 đồng x 5% = 1.000.000 đồng.

[7] Căn cứ vào Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do yêu cầu giám định của chị H có căn cứ nên chị T phải chịu chi phí giám định 1.600.000 đồng. Do đó, chị T có nghĩa vụ trả lại chị H 1.600.000 đồng chi phí giám định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 161, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 479 của Bộ luật Dân sự, Nghị định số 144/2006/NĐ/CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ;

Căn cứ vào Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh Án phí, Lệ phí Tòa án năm 2009;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H tranh chấp hợp đồng góp hụi đối với chị Đặng Thị T.

Buộc chị Đặng Thị T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Đặng Thị T phải chịu 1.000.000 (một triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Chị Nguyễn Thị Thu H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị H số tiền 500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008376 ngày 30/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng.

4. Chi phí giám định: Buộc chị Đặng Thị T có nghĩa vụ trả lại chị Nguyễn Thị Thu H 1.600.000 (một triệu sáu trăm nghìn) đồng.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND. H.Trảng Bàng;
- THADS. H.Trảng Bàng;
- Phòng KTNV và THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm